

TTĐT

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 217/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: 5
Ngày: 14/11

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ tại phiên họp thường kỳ tháng 8 năm 2015;

Xét đề nghị của Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2015.

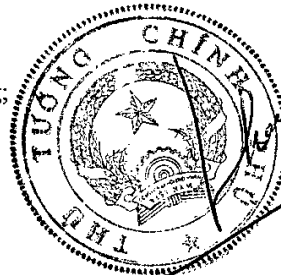
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 123/2003/QĐ-TTg ngày 12 tháng 6 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn Điều lệ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

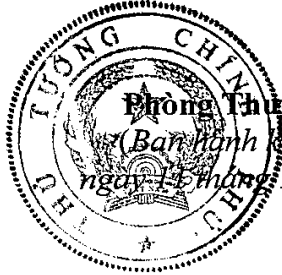
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: PL, KTTH, KGVX, QHQT, ĐMDN;
- Lưu: VT, TCCV (3b). KN 205

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Xuân Phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2177/QĐ-TTg
ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Chamber of Commerce and Industry
3. Tên viết tắt: VCCI

Điều 2. Mục đích

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là tổ chức quốc gia tập hợp và đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân, người sử dụng lao động và các hiệp hội doanh nghiệp ở Việt Nam (sau đây gọi chung là cộng đồng doanh nghiệp) nhằm mục đích phát triển, bảo vệ và hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thúc đẩy các quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và khoa học - công nghệ với nước ngoài trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi, theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận, có tư cách pháp nhân, tự chủ về tài chính, có con dấu, tài khoản riêng.

2. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đặt trụ sở chính tại Hà Nội.

Điều 4. Phạm vi, nguyên tắc tổ chức hoạt động

1. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoạt động trên phạm vi toàn quốc, theo pháp luật Việt Nam và theo Điều lệ này.

2. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

3. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo các nguyên tắc sau:

- a) Tự nguyện, tự quản;
- b) Hiệp thương dân chủ;
- c) Bình đẳng, công khai, minh bạch;
- d) Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ này.

Chương II **CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ**

Điều 5. Chức năng

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có các chức năng sau:

- 1. Đại diện để thúc đẩy và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trong các quan hệ trong nước và quốc tế;
- 2. Thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp; xúc tiến và hỗ trợ các hoạt động thương mại, đầu tư, hợp tác khoa học - công nghệ và các hoạt động kinh doanh khác của cộng đồng doanh nghiệp ở Việt Nam và nước ngoài; xúc tiến, thúc đẩy xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa trong các doanh nghiệp.

Điều 6. Nhiệm vụ

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có các nhiệm vụ sau:

- 1. Tập hợp, nghiên cứu thực trạng và kiến nghị với Đảng và Nhà nước các vấn đề về pháp luật, chính sách, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và xây dựng quan hệ lao động hài hòa; tổ chức các diễn đàn, đối thoại, các cuộc tiếp xúc, làm đầu mối liên kết các doanh nghiệp, làm cầu nối giữa cộng đồng doanh nghiệp với các cơ quan Đảng, Nhà nước và với các tổ chức hữu quan khác ở trong và ngoài nước để trao đổi thông tin, ý kiến và đề xuất các giải pháp xử lý vướng mắc, hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến doanh nghiệp, môi trường kinh doanh và quan hệ lao động.
- 2. Đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp tham gia vào quá trình xây dựng ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp, hoạt động kinh doanh và quan hệ lao động dưới các hình thức khác nhau theo quy định hiện hành.
- 3. Là đầu mối tập hợp thông tin, ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức và tham gia quá trình tham vấn với các đoàn đàm phán về kinh tế, thương mại; tham gia với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong quá trình đàm phán, ký kết, gia nhập, phê chuẩn, thực thi các điều ước quốc tế có liên

quan tới kinh tế, thương mại; hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp trong hội nhập kinh tế quốc tế, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến thực thi các điều ước quốc tế về kinh tế, thương mại mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tham gia tổ chức các đoàn doanh nghiệp tháp tùng lãnh đạo Đảng, Nhà nước; tổ chức các Diễn đàn doanh nghiệp Việt Nam, Hội đồng doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp các nước và các hoạt động xúc tiến khác nhằm mở rộng quan hệ thương mại, đầu tư quốc tế.

4. Thực hiện vai trò của tổ chức đại diện ở Trung ương của người sử dụng lao động Việt Nam tham gia vào các thiết chế ba bên về quan hệ lao động, hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng và liên kết tổ chức của người sử dụng lao động ở cấp ngành và địa phương; phối hợp với tổ chức đại diện người lao động và các cơ quan, đơn vị hữu quan để hỗ trợ doanh nghiệp, giới sử dụng lao động xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ theo quy định hiện hành.

5. Tiến hành những hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cộng đồng doanh nghiệp trong các quan hệ kinh doanh trong nước và quốc tế; tư vấn và tham gia hỗ trợ giải quyết các vướng mắc, kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp với các cơ quan quản lý trong quá trình kinh doanh và thực thi pháp luật.

6. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tư vấn thực thi chính sách, pháp luật; phổ biến, cung cấp, hỗ trợ thông tin kinh doanh, khoa học kỹ thuật cho cộng đồng doanh nghiệp.

7. Tổ chức vận động cộng đồng doanh nghiệp nâng cao trách nhiệm xã hội, xây dựng đạo đức và văn hóa kinh doanh, bảo vệ môi trường và tham gia các hoạt động xã hội khác liên quan tới hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Hỗ trợ việc thành lập, phối hợp nâng cao năng lực hoạt động và liên kết hệ thống các hiệp hội doanh nghiệp trong cả nước.

9. Hợp tác với các tổ chức, đơn vị hữu quan trong nước; hợp tác với các tổ chức của cộng đồng doanh nghiệp ở nước ngoài, ký, thực hiện các thỏa thuận hợp tác quốc tế, tham gia các tổ chức quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Tổ chức đào tạo để phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, nâng cao năng lực quản lý, kinh doanh cho các doanh nhân, xây dựng đội ngũ doanh nhân năng động, hiệu quả.

11. Tiến hành các hoạt động nhằm xây dựng, quảng bá thương hiệu và nâng cao uy tín hàng hóa, dịch vụ, cộng đồng doanh nghiệp và môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

12. Tổ chức các hoạt động hỗ trợ phát triển kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực phát triển; hỗ trợ doanh nghiệp phát triển quan hệ kinh doanh và đầu tư ở trong và ngoài nước thông qua các biện pháp như: Kết nối và giới thiệu bạn hàng, cung cấp thông tin, hướng dẫn và tư vấn cho doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu, khảo sát thị trường, hội thảo, hội nghị, hội chợ, triển lãm, quảng cáo và các hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư khác ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

13. Tổ chức nghiên cứu, thử nghiệm, triển khai, chuyển giao các mô hình kinh doanh mới hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp; thực hiện các đề tài, nghiên cứu, điều tra... về năng lực cạnh tranh, lao động và các nội dung khác nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp.

14. Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thực hiện các hoạt động tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp, doanh nhân, các đơn vị, cá nhân có đóng góp lớn vào sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp và nền kinh tế theo quy định của pháp luật.

15. Hỗ trợ đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ ở Việt Nam và ở nước ngoài theo quy định.

16. Cấp giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam theo ủy quyền của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; xác nhận các trường hợp bất khả kháng và chứng nhận, xác nhận các giấy tờ cần thiết khác trong hoạt động thương mại theo yêu cầu tự nguyện của các bên trong giao dịch hoặc theo yêu cầu, ủy quyền của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ở trong và ngoài nước.

17. Hỗ trợ các doanh nghiệp trong và ngoài nước giải quyết bất đồng, tranh chấp thông qua thương lượng, hoà giải hoặc trọng tài phù hợp với quy định của pháp luật.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác mà cơ quan Nhà nước giao hoặc ủy quyền.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 7. Điều kiện và cơ cấu hội viên

1. Hội viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bao gồm các tổ chức và cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều này, tán thành Điều lệ của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, tự nguyện tham gia và được Ban Thường trực hoặc Ban Chấp hành của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam quyết định kết nạp hoặc mời.

2. Hội viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bao gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức là các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp (hiệp hội ngành nghề có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh, hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hiệp hội, hội doanh nghiệp khác), tổ chức kinh tế, tổ chức nghề nghiệp phục vụ hoạt động kinh doanh có đăng ký và hoạt động hợp pháp ở Việt Nam theo quy định của pháp luật;

b) Hội viên liên kết là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, hiệp hội doanh nghiệp, hội, tổ chức nghề nghiệp phục vụ hoạt động kinh doanh có đăng ký và hoạt động hợp pháp ở Việt Nam nhưng không có điều kiện hoặc chưa đủ điều kiện làm hội viên chính thức theo quy định của pháp luật;

c) Hội viên danh dự là những cá nhân, tổ chức Việt Nam có đóng góp đặc biệt vào việc thực hiện nhiệm vụ của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Điều 8. Thủ tục kết nạp hội viên

Ban Thường trực xét và quyết định kết nạp hội viên chính thức và hội viên liên kết.

Theo đề nghị của Ban Thường trực, Ban Chấp hành quyết định về việc mời hội viên danh dự của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Trường hợp bị từ chối, tổ chức, cá nhân liên quan có thể khiếu nại lên Ban Chấp hành hoặc Đại hội. Quyết định của Ban Chấp hành hoặc Đại hội là quyết định cuối cùng.

Điều 9. Thời điểm trở thành hội viên

Các tổ chức, cá nhân được coi là hội viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam kể từ thời điểm được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam kết nạp (đối với hội viên chính thức và hội viên liên kết) hoặc kể từ thời điểm tổ chức, cá nhân đó chấp nhận quyết định mời tham gia của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (đối với hội viên danh dự).

Điều 10. Chấm dứt tư cách hội viên

1. Tư cách hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chấm dứt nếu hội viên đó:

- a) Bị đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động;
- b) Giải thể hoặc phá sản;
- c) Chết hoặc bị kết án hình sự;

d) Không còn đáp ứng đủ các điều kiện của hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;

đ) Tự nguyện thôi làm hội viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

2. Hội viên Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bị tước tư cách hội viên theo quyết định của Ban Thường trực trong một trong những trường hợp sau:

a) Không thực hiện đúng các quy định, nghị quyết của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;

b) Hoạt động trái với mục đích của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, gây tổn hại đến uy tín hoặc tài chính của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

3. Tổ chức, cá nhân bị tước tư cách hội viên theo khoản 2 Điều này có quyền khiếu nại lên Ban Chấp hành hoặc Đại hội. Quyết định của Ban Chấp hành hoặc Đại hội là quyết định cuối cùng.

Trường hợp hội viên tự nguyện thôi làm hội viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo điểm đ khoản 1 Điều này thì phải gửi văn bản thông báo chính thức cho Ban Thường trực về việc này.

Trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này, tư cách hội viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chấm dứt tự động.

Điều 11. Các vấn đề khác liên quan tới tư cách hội viên

1. Các hội viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có thể chuyển đổi tư cách hội viên nếu đáp ứng đủ các điều kiện của hình thức hội viên muốn chuyển đổi.

Hội viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có nhu cầu chuyển đổi tư cách hội viên phải gửi đề nghị bằng văn bản đến Ban Thường trực. Ban Thường trực quyết định việc công nhận tư cách hội viên mới đối với trường hợp chuyển đổi sang hội viên chính thức hoặc hội viên liên kết. Ban Thường trực đề nghị để Ban Chấp hành quyết định việc chuyển đổi sang hội viên danh dự.

2. Tổ chức mới được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, đổi tên, sắp xếp lại tổ chức là hội viên thì tổ chức mới đương nhiên là hội viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nếu có đủ các điều kiện quy định tại Điều 7 Điều lệ này sau khi thông báo bằng văn bản cho Ban Thường trực về việc này.

3. Hội viên của các hiệp hội doanh nghiệp đương nhiên là hội viên liên kết của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 7 Điều lệ này, không có phản đối và Điều lệ của hiệp hội doanh nghiệp liên quan không có quy định khác.

Điều 12. Quyền của Hội viên

1. Hội viên chính thức có các quyền sau:

- a) Tham dự hội nghị hội viên ở các khu vực;
- b) Tham dự Đại hội nếu được hội nghị hội viên hiệp thương cử;
- c) Biểu quyết hoặc bỏ phiếu ở Đại hội;
- d) Được đề cử hoặc ứng cử vào Ban Chấp hành;
- đ) Đề đạt ý kiến với Đại hội, Ban Chấp hành, Ban Thường trực về hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và những vấn đề về chính sách, pháp luật kinh tế và môi trường kinh doanh;
- e) Yêu cầu Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hỗ trợ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp khi bị xâm hại;
- g) Được hưởng dịch vụ tư vấn, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại, đầu tư, quảng bá hình ảnh, đào tạo và các loại dịch vụ, hỗ trợ khác mà Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cung cấp với điều kiện ưu tiên, ưu đãi hoặc miễn phí;
- h) Được khen thưởng theo quy định của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- i) Thôi là hội viên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nếu xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục tham gia.

2. Hội viên liên kết và hội viên danh dự có tất cả các quyền quy định tại khoản 1 Điều này, trừ các điểm c và d.

Điều 13. Nghĩa vụ của hội viên

1. Hội viên chính thức và hội viên liên kết có những nghĩa vụ sau:

- a) Đóng phí gia nhập và hội phí theo quy định của Ban Chấp hành;
- b) Thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội và Ban Chấp hành;
- c) Tham dự các cuộc họp do Ban Chấp hành triệu tập hoặc mời;
- d) Đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để cùng thực hiện mục đích của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;

đ) Bảo vệ uy tín của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, không nhân danh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trong các hoạt động, giao dịch trừ khi được Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ủy quyền bằng văn bản;

e) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

2. Hội viên liên kết theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này và hội viên danh dự có tất cả các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này trừ điểm a.

Chương IV **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

Điều 14. Cơ cấu tổ chức

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bao gồm các cơ quan sau:

1. Đại hội Đại biểu toàn quốc (gọi tắt là Đại hội).
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường trực.
4. Ban Kiểm tra.
5. Các đơn vị chuyên trách; các chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong và ngoài nước; các tổ chức trực thuộc; các tổ chức khác do Phòng Thương mại và Công nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Đại hội

Đại hội là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Đại hội bao gồm các đại biểu do hội nghị hội viên các khu vực bầu. Số lượng và cơ cấu đại biểu do Ban Chấp hành quyết định theo tỷ lệ hội viên ở các khu vực.

Điều 16. Thể thức Đại hội

Đại hội có Đại hội nhiệm kỳ và Đại hội bất thường.

Đại hội nhiệm kỳ do Ban Chấp hành triệu tập 5 năm một lần có nhiệm vụ:

1. Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ đã qua, phương hướng và nhiệm vụ hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trong nhiệm kỳ sắp tới và báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

2. Thảo luận và thông qua sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

3. Bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra.

4. Thảo luận và quyết định các vấn đề khác về công tác của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và của các hội viên.

5. Thông qua nghị quyết Đại hội.

Đại hội bất thường được triệu tập theo quyết định của Ban Chấp hành hoặc theo đề nghị của trên 1/2 số hội viên để giải quyết những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành.

Điều 17. Triệu tập Đại hội

1. Khi triệu tập Đại hội nhiệm kỳ, Ban Chấp hành phải công bố chương trình nghị sự, dự thảo các văn kiện, quyết định về số lượng và cơ cấu đại biểu và hướng dẫn hội viên bầu đại biểu ít nhất là 30 ngày trước ngày Đại hội.

2. Ban Thường trực tổ chức hội nghị hội viên tại các khu vực để thảo luận dự thảo các văn kiện và bầu đại biểu dự Đại hội ít nhất là 15 ngày trước ngày Đại hội.

3. Việc triệu tập Đại hội bất thường và chương trình nghị sự phải được công bố ít nhất là 15 ngày trước ngày Đại hội. Đại biểu Đại hội bất thường là những đại biểu được bầu đi dự Đại hội nhiệm kỳ liền trước đó.

Điều 18. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội

1. Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định.

2. Nghị quyết Đại hội được thông qua khi được trên 1/2 đại biểu chính thức có mặt chấp thuận trừ các vấn đề quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Nghị quyết Đại hội về một trong những vấn đề dưới đây chỉ được thông qua khi được ít nhất 2/3 số đại biểu chính thức có mặt chấp thuận và số đại biểu chấp thuận đó phải trên 1/2 tổng số đại biểu chính thức được bầu đi dự Đại hội:

a) Sửa đổi hoặc bổ sung Điều lệ;

b) Xét công nhận hội viên mới đã bị Ban Chấp hành từ chối nếu tổ chức, cá nhân liên quan yêu cầu;

c) Xét, giải quyết khiếu nại việc tước tư cách hội viên theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Điều lệ này;

d) Giải thể và thanh lý tài sản của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Điều 19. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành là cơ quan do Đại hội bầu ra trong số các đại diện hội viên chính thức và các cán bộ chuyên trách của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Ban Chấp hành được Đại hội bầu theo hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc lựa chọn hình thức nào là do Đại hội quyết định. Ban Chấp hành lãnh đạo mọi hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội.

2. Số lượng thành viên của Ban Chấp hành do Đại hội quyết định, trong đó bảo đảm phải có ít nhất $\frac{3}{4}$ số thành viên là đại diện hội viên chính thức. Số lượng thành viên Ban Chấp hành có thể được bổ sung thêm theo quyết định của Ban Chấp hành nhưng không vượt quá 30% số lượng thành viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Ban Chấp hành gồm:

- a) Chủ tịch;
- b) Các Phó Chủ tịch;
- c) Tổng Thư ký;
- d) Các ủy viên.

Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Tổng Thư ký là các chức danh lãnh đạo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, có cùng nhiệm kỳ của Đại hội, được Ban Chấp hành bầu ra trong số thành viên Ban Chấp hành.

4. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành là 5 năm. Thành viên của Ban Chấp hành có thể bị miễn nhiệm trước thời hạn theo quyết định của Đại hội bất thường hoặc với sự chấp thuận của ít nhất $\frac{2}{3}$ số thành viên Ban Chấp hành.

5. Trong trường hợp thành viên Ban Chấp hành là cán bộ chuyên trách của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam vì những lý do khác nhau không thể tiếp tục nhiệm vụ khi nhiệm kỳ chưa kết thúc thì Ban Thường trực sẽ đề cử người thay thế.

Trong trường hợp thành viên Ban Chấp hành là đại diện hội viên chính thức của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nghỉ hưu, bị đình chỉ công tác hoặc vì lý do khác không thể tiếp tục nhiệm vụ khi nhiệm kỳ chưa kết thúc thì tổ chức có người đại diện đó phải thông báo cho Ban Thường trực và có quyền đề cử người khác thay thế trong vòng 30 ngày sau khi xảy ra tình huống trên. Nếu tổ chức có người đại diện đó không đề cử người thay thế trong thời gian trên, Ban Thường trực sẽ đề cử người thay thế.

Người được Ban Thường trực đề cử thay thế chỉ được công nhận là thành viên Ban Chấp hành với sự chấp thuận của trên $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên Ban Chấp hành theo một trong các phương thức ra quyết định quy định tại Điều 21 Điều lệ này.

6. Các thành viên Ban Chấp hành là đại biểu chính thức và đương nhiên tại Đại hội nhiệm kỳ tiếp liền sau.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành

Ban Chấp hành có những nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Nghiên cứu và đề ra những công việc và biện pháp cần thiết để thực hiện Nghị quyết của Đại hội.
2. Quyết định chương trình công tác và kế hoạch ngân sách hàng năm của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, quy định về các vấn đề liên quan đến hội phí.
3. Quyết định việc thành lập, hoạt động và giải thể các hội đồng, ủy ban của Ban Chấp hành.
4. Bầu Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, cử Ban Thường trực; bầu bổ sung thành viên Ban Chấp hành, thành viên Ban Kiểm tra của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.
5. Giám sát hoạt động của Ban Thường trực.
6. Chuẩn bị nội dung và các vấn đề tổ chức cho Đại hội nhiệm kỳ và bất thường.
7. Quyết định mời các tổ chức, cá nhân tham gia các ủy ban của Ban Chấp hành, mời hội viên danh dự của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.
8. Quyết định việc thay thế, bổ sung, miễn nhiệm thành viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra quy định tại các khoản 4 và 5 Điều 19 Điều lệ này.
9. Giải quyết các khiếu nại theo quy định tại Điều 8 và khoản 2 Điều 10 Điều lệ này.
10. Xem xét những ý kiến, kiến nghị của hội viên, chuẩn bị những thông tin, kiến nghị gửi tới các cơ quan Nhà nước và các tổ chức khác.

Điều 21. Hoạt động của Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành họp ít nhất 6 tháng một lần theo giấy mời do Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam gửi trước ít nhất 15 ngày.
2. Ban Chấp hành thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Các quyết định của Ban Chấp hành chỉ được thông qua khi nhận được đa số thành viên Ban Chấp hành và đại diện được ủy quyền có mặt ủng hộ. Trong trường hợp số phiếu hoặc số ý kiến ngang nhau thì quyết định thuộc về phía ý kiến của Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản thì số ủng hộ đó phải trên 1/2 tổng số thành viên Ban Chấp hành.

Riêng quyết định triệu tập Đại hội bất thường phải có sự nhất trí của ít nhất 2/3 số thành viên Ban Chấp hành.

3. Ban Chấp hành, căn cứ Điều lệ và Nghị quyết Đại hội, quy định quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Trừ trường hợp có quy định khác trong Điều lệ này, các thành viên Ban Chấp hành chỉ được nhân danh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trong các hoạt động, giao dịch khi được Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ủy quyền bằng văn bản.

Điều 22. Ban Thường trực

1. Ban Thường trực do Ban Chấp hành cử trong số các thành viên của Ban Chấp hành là cán bộ chuyên trách của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Ban Thường trực gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch chuyên trách, Tổng Thư ký và các ủy viên Ban Thường trực.

Ban Thường trực là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành, trực tiếp lãnh đạo, điều hành hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam giữa hai kỳ họp của Ban Chấp hành.

2. Ban Thường trực có các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội và Ban Chấp hành;

b) Điều hành, triển khai công việc thường xuyên của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm các Phó Tổng Thư ký, lãnh đạo các đơn vị chuyên trách, các chi nhánh, văn phòng đại diện, tổ chức trực thuộc, các tổ chức khác của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; giám sát hoạt động của các tổ chức của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;

c) Quyết định thành lập các đơn vị chuyên trách, các tổ chức của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; quyết định thành lập các hội đồng, ủy ban, trung tâm, diễn đàn chuyên ngành, chuyên đề của Ban Thường trực;

d) Ban hành các quy chế hoạt động, các quy định nội bộ của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;

đ) Chuẩn bị nội dung các cuộc họp của Ban Chấp hành;

e) Đề xuất với Ban Chấp hành việc mời các tổ chức và cá nhân tham gia các ủy ban, hội đồng do Ban Chấp hành thành lập; đề xuất để Ban Chấp hành mời hội viên danh dự của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Chấp hành uỷ nhiệm.

Ban Thường trực báo cáo trước Ban Chấp hành về việc thực hiện nhiệm vụ của mình. Ban Thường trực xây dựng quy chế hoạt động của mình để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 23. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký

1. Chủ tịch là người đại diện theo pháp luật của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam. Chủ tịch là người đứng đầu Ban Thường trực.

Khi Chủ tịch vắng mặt, Chủ tịch uỷ quyền cho một Phó Chủ tịch chuyên trách điều hành công việc của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

2. Các Phó Chủ tịch bao gồm Phó Chủ tịch chuyên trách và Phó Chủ tịch không chuyên trách. Các Phó Chủ tịch chuyên trách là cán bộ chuyên trách của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và được Chủ tịch phân công giúp Chủ tịch phụ trách một số lĩnh vực công tác cụ thể.

3. Tổng Thư ký là người giúp Chủ tịch điều phối hoạt động của các đơn vị chuyên trách, các tổ chức trực thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và được Chủ tịch phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác cụ thể.

Điều 24. Ban Kiểm tra

Ban Kiểm tra gồm một số thành viên của Ban Chấp hành do Đại hội bầu ra với nhiệm kỳ 5 năm. Ban Kiểm tra bầu Trưởng ban để điều hành công việc của Ban.

Ban Kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội; kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội, của Ban Chấp hành Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam và báo cáo kết quả kiểm tra trước Ban Chấp hành và trước Đại hội.

Quy chế hoạt động của Ban Kiểm tra do Ban Chấp hành quyết định.

Điều 25. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể

Việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương V TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 26. Cơ chế tài chính, tài sản

1. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có tài sản và tài chính độc lập và hoạt động theo chế độ tự chủ về tài chính phù hợp với các quy định liên quan của pháp luật.

2. Tài sản của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và các tài sản được hình thành hợp pháp khác.

Điều 27. Nguồn thu

Nguồn thu của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hình thành từ các nguồn sau:

1. Phí gia nhập và hội phí do hội viên đóng góp;
2. Các khoản thu từ hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các đơn vị trực thuộc và các tổ chức khác của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
3. Ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động thực hiện các nhiệm vụ được Nhà nước giao theo quy định của pháp luật;
4. Các hoạt động gây quỹ, tài trợ, đóng góp của các hiệp hội, doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước;
5. Các khoản thu hợp pháp khác.

Điều 28. Các khoản chi

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam sử dụng ngân sách, tài sản của mình cho những việc sau:

1. Chi hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
2. Chi tiền lương, các chi phí về cơ sở vật chất và hoạt động của các đơn vị chuyên trách, các tổ chức của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
3. Chi mở rộng hoạt động ở trong và ngoài nước phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy định của pháp luật.
4. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật và quy chế quy định tại khoản 6 Điều 29 Điều lệ này.

Điều 29. Quản lý tài sản, tài chính

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bảo đảm theo nguyên tắc công khai, minh bạch theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Tài sản, tài chính của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được sử dụng để thực hiện tôn chỉ, mục đích, quyền và nghĩa vụ của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, không được chia cho hội viên.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính do Nhà nước cấp, khoán, hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

4. Việc quản lý, sử dụng tài sản, tài chính đối với tài sản không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy chế quy định tại khoản 6 Điều này.

5. Tài chính, tài sản của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

6. Ban Thường trực ban hành quy chế quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.

7. Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý tài chính và tài sản của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Chương VI **KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT**

Điều 30. Khen thưởng

Tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, hội viên có thành tích xuất sắc được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam khen thưởng hoặc được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật và quy chế khen thưởng của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Điều 31. Kỷ luật

Tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, hội viên vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bị xem xét kỷ luật theo các hình thức phù hợp với quy chế kỷ luật của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Điều lệ này chỉ có thể được sửa đổi, bổ sung theo quyết định của Đại hội theo thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

Điều 33. Hiệu lực

Điều lệ này đã được Đại hội đại biểu toàn quốc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam lần thứ VI thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2015 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ./.